

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/12/2020.

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Song.

2. Ông Dương Văn Đền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc: “ xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 14/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Thạch Thị Oanh N, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô T B, xã C Đ, huyện C K, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T L, xã H M, huyện C T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không có lý do).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2009 (xin xét xử vắng mặt).

- Cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2012 (xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: cùng ấp Ô T B, xã C Đ, huyện C K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2020, và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Oanh N trình bày: trước đây vào năm 2009 chị với anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu quen biết nhau sau đó dẫn đến cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C Đ, huyện C K, tỉnh Trà Vinh, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/02/2013. Trong quá trình sống chung chị với anh T có 02 đứa con

chung tên Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2013, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T mê chơi game sống ngày không lo cuộc sống vợ con, và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2014 đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân của chị với anh T không có hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được, nên chị làm đơn xin được ly hôn anh T, về con chung chị yêu cầu được T tục nuôi 02 cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2013, không yêu cầu anh T phụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc đi làm ăn nghỉ không được, nên chị không đến dự phiên tòa, chị làm đơn yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 70;71;72, Điều 97, Điều 177; 196, các Điều 203; 205; 208; 209;210; 211; 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, nguyên đơn chị Thạch Thị Oanh N đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Văn T không chấp hành theo giấy triệu của Tòa án nên không có bản tự khai, và không có yêu cầu cụ thể, tại phiên tòa xét xử hôm nay anh T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Oanh N, cho chị Ni được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung giao 02 cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2013 cho chị Ni được trực T nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dương nuôi con do chị Ni không yêu cầu, về tài sản chung, nợ chung không có, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Thạch Thị Oanh N và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân, và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 19 tháng 02 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã M C , huyện C T, tỉnh Trà Vinh đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung chị Oanh N với anh T có 02 con chung tên cháu Nguyễn Thúy D, sinh

ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2012, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo làm ăn, mê game, bỏ mặc mẹ con chị.

[2] Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Oanh N và anh T không có khả năng đoàn tụ được, nên chị Oanh N làm đơn xin được ly hôn với anh T, về con chung chị Oanh N xin được nuôi 02 cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2012, chị Oanh N không yêu cầu anh T phụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đối với anh Nguyễn Văn T Tòa án có triệu tập anh cố tình vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai cũng như yêu cầu của anh. Do anh T vắng mặt xem như anh từ bỏ quyền lợi của anh tại phiên tòa.

[4] Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định; thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng ở đây hai người sống với nhau được 02 đứa con chung, anh T không lo làm ăn nuôi con chung và xây dựng hạnh phúc gia đình, mà anh chỉ biết ăn chơi mê game bỏ mặc cho chị Oanh N tự nuôi con. Từ đó nên chị Oanh N quyết định xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Từ các cơ sở phân tích trên, thấy rằng mục đích hôn nhân của chị Thạch Thị Oanh N với anh Nguyễn Văn T không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ hai người đã ly thân hơn 5 năm. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy việc chị Thạch Thị Oanh N xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Thạch Thị Oanh N là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[5] Về con chung: do cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2012, đã trên 7 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu, nghĩ nên giao cho chị Oanh N trực T nuôi 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[6] Về tài sản chung, và nợ chung: do chị Thạch Thị Oanh N khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Án phí: chị Thạch Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Vị kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: các Điều 19; 56; 69; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị Oanh N.

Cho chị Thạch Thị Oanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị Thạch Thị Oanh N được trực T nuôi 02 con chung cháu Nguyễn Thúy D, sinh ngày 23/11/2009, và cháu Nguyễn Văn Đăng K, sinh ngày 26/3/2012, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do chị Oanh N không yêu cầu.

Anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Về tài sản, nợ chung: chị Oanh N khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Thạch Thị Oanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà chị Oanh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000191, ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Nên chị Oanh N không phải nộp thêm tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Văn Tâm

